

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HSST  
Ngày: 08-7-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Tân An

2/ Ông Nguyễn Văn Trãi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Văn H.** Sinh năm 1983. Nơi sinh: Tây Ninh.

Nơi đăng ký thường trú: Không có nơi đăng ký thường trú.

Chỗ ở: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn (văn hóa): không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 1985; Họ tên vợ Nguyễn Thị H (không có đăng ký kết hôn, hiện tại không còn chung sống; Con có 01 người, sinh năm 2005;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 06/4/2020 đến ngày 15/4/2020 và đang bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 15/4/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*- Người bị hại:*

Anh **Lê Ngọc A**, sinh năm 1990. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1) Anh **Phạm Vũ L**, sinh năm 1989. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 14, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2) Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

*- Người làm chứng:*

1) Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2) Anh **Nguyễn Thành V**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 06/4/2020 Lê Văn H từ nhà trọ Bảy B (do H thuê ở trọ) đi đến nhà ông Nguyễn Văn B, nhậu cùng ông B, ông Nguyễn Thành V và anh Lê Ngọc A (con rể ông B), bốn người ngồi nhậu đến khoảng 11 giờ thì ông V về trước, còn lại ba người tiếp tục nhậu đến khoảng 12 giờ thì anh Ngọc A vô nhà tắm và có để lại một điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone X màu trắng tại bàn, sau đó H và ông B nhậu tiếp khoảng 20 phút sau thì nghỉ, ông B dọn dẹp bàn nhậu thì lúc này H phát hiện điện thoại di động của Ngọc A để trên bàn nên H nảy sinh ý định lấy trộm, H quan sát không có ai nên lén lút lấy trộm điện thoại Iphone X và đi về phòng trọ, khi anh Ngọc A tắm ra thì phát hiện điện thoại đã bị mất. Sau đó H đi bộ đến nhà của anh Nguyễn Văn K (anh cùng mẹ khác cha với H) mượn xe biển số 60T2-8854 của anh K điều khiển xe chạy đến cửa hàng điện thoại L do anh Phạm Vũ L làm chủ thuộc Khu vực 14, phường C,

quận Ô đến bán điện thoại vừa trộm được với giá 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và chuộc lại điện thoại mà H đã cầm trước đây với số tiền là 800.000 đồng (*Tám trăm ngàn đồng*), anh L đưa lại cho H 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*); H trả cho anh V 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*), anh Q 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của V và Q) còn lại 100.000 đồng H tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H đến công an phường P đầu thú và thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của anh Ngọc A.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG ngày 08/4/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Ô kết luận: giá của 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, màn hình trước màu đen, số IMEI 354847094415862, đã qua sử dụng, vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 06/4/2020) là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, màn hình trước màu đen, số IMEI 354847094415862, đã qua sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô đã trả lại cho anh Lê Ngọc A là chủ sở hữu; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu vàng gold, số IMEI 1: 869686030233437, số IMEI 1: 869686030233429, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Ngọc A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Đối với anh Phạm Vũ L khi mua điện thoại do H trộm được anh không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý. Đồng thời, anh L không yêu cầu H trả lại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mà anh đã mua lại điện thoại do H trộm được.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSOM ngày 28 tháng 5 năm 2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ để xét xử Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1

Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo mức án tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu vàng gold, số IMEI 1: 869686030233437, số IMEI 1: 869686030233429, đã qua sử dụng cho bị cáo là chủ sở hữu.

Buộc bị cáo giao nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) là tiền do bị cáo đã bán điện thoại di động trộm được cho anh Phạm Vũ L mà có.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Ngọc A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mà bị cáo đã bán điện thoại di động cho anh Phạm Vũ L có được, anh L không yêu cầu bị cáo trả lại nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo thừa nhận hành toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ô, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú ngày 06/4/2020; Bản kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG ngày 08/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 06/4/2020,

sau khi nhận xong tại nhà ông Nguyễn Văn B, bị cáo phát hiện một điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone X màu trắng, không có ai quản lý, trông coi nên lén lút lấy trộm điện thoại Iphone X đi về phòng trọ. Sau đó bị cáo đem điện thoại bán cho anh Phạm Vũ L được số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) rồi dùng số tiền này chuộc lại điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu vàng gold đã cầm trước đó, trả nợ cho anh V và anh Q (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của anh V, anh Q) và tiêu xài cá nhân hết.

Kết quả định giá tài sản kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, màn hình trước màu đen, số IMEI 354847094415862, đã qua sử dụng, vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 06/4/2020) có giá là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Hành vi này của bị cáo Lê Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Ô truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, có khả năng tạo thu nhập hợp pháp nhưng chỉ vì tham lam, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa hành vi sai trái của mình, sống đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra bị cáo đã ra đầu thú nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) bị cáo có được do bán điện thoại di động Iphone X cho anh Phạm Vũ L, anh L không yêu cầu bị cáo trả lại nên không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo khi chấp hành án nên không phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu vàng gold, số IMEI 1: 869686030233437, số IMEI 2: 869686030233429, đã qua sử dụng cho bị cáo là chủ sở hữu.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) là tiền do bị cáo đã bán điện thoại di động Iphone X trộm được cho anh Phạm Vũ L mà có, bị cáo đã sử dụng hết nên cần buộc bị cáo giao nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn H 09 (chín) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu vàng gold, số IMEI 1: 869686030233437, số IMEI 2: 869686030233429, đã qua sử dụng. (*Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô quản lý*)

- Bị cáo phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- Công an Q. Ô;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Thúy Hằng**